

# TÀI CHÍNH XANH TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH BỀN VỮNG TẠI VIỆT NAM

ThS. Vũ Thị Thùy Linh

Khoa Du Lịch - Đại học Nguyễn Tất Thành

## Tóm tắt

Nghiên cứu này phân tích vai trò của tài chính xanh trong việc thúc đẩy phát triển du lịch bền vững, một vấn đề đang nhận được sự quan tâm đặc biệt trong bối cảnh biến đổi khí hậu và nhu cầu phát triển kinh tế xanh toàn cầu. Thông qua phương pháp nghiên cứu hỗn hợp kết hợp phân tích định lượng và định tính, nghiên cứu đã khảo sát 350 doanh nghiệp du lịch và phỏng vấn sâu 25 chuyên gia trong lĩnh vực tài chính và du lịch tại Việt Nam. Kết quả cho thấy tài chính xanh đóng vai trò then chốt trong việc hỗ trợ các doanh nghiệp du lịch chuyển đổi sang mô hình kinh doanh bền vững, với tỷ lệ 78% doanh nghiệp được khảo sát khẳng định nhu cầu tiếp cận nguồn vốn xanh. Tuy nhiên, rào cản về thể chế, năng lực và nhận thức vẫn là những thách thức chính cản trở sự phát triển của tài chính xanh trong du lịch. Nghiên cứu đề xuất một khung chính sách toàn diện nhằm thúc đẩy sự tích hợp giữa tài chính xanh và phát triển du lịch bền vững, bao gồm cải thiện khung pháp lý, nâng cao năng lực cho các bên liên quan và xây dựng cơ chế khuyến khích phù hợp.

**Từ khóa:** Tài chính xanh, du lịch bền vững, phát triển bền vững, biến đổi khí hậu, chính sách công.

## 1. Mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch bền vững

### 1.1. Biến độc lập: Tài chính xanh (Green Finance)

Đây là nhân tố cốt lõi, bao gồm các sản phẩm và dịch vụ tài chính hỗ trợ bảo vệ môi trường. Các thành phần chính gồm:

Tín dụng xanh: Các khoản vay ưu đãi cho dự án tiết kiệm năng lượng và năng lượng tái tạo.

Trái phiếu xanh: Công cụ huy động vốn cho các dự án du lịch sinh thái đạt chuẩn quốc tế.

Quỹ đầu tư xanh: Nguồn vốn hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi mô hình kinh doanh bền vững

### 1.2. Biến trung gian: Đổi mới công nghệ (Technological Innovation)

Kết quả phân tích SEM cho thấy tài chính xanh không tác động trực tiếp hoàn toàn mà thông qua khả năng đổi mới của doanh nghiệp.

Tài chính xanh tạo điều kiện để doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ sạch và hệ thống quản lý môi trường.

Đổi mới công nghệ giúp cải thiện hiệu quả sử dụng tài nguyên và giảm phát thải khí nhà kính.

### 1.3. Biến điều tiết: Sự hỗ trợ của Chính phủ (Government Support)

Nhân tố này đóng vai trò thúc đẩy hoặc kìm hãm mối quan hệ giữa vốn và hiệu quả bền vững.

Khung pháp lý: Sự minh bạch trong tiêu chí xanh và quy trình phê duyệt.

Cơ chế khuyến khích: Các chính sách ưu đãi thuế, lãi suất và hỗ trợ kỹ thuật.

### 1.4. Biến phụ thuộc: Phát triển du lịch bền vững

Được đo lường qua ba trụ cột chính với các hệ số tác động tích cực đáng kể từ tài chính xanh:

Hiệu quả kinh tế: Tăng trưởng doanh thu và giảm chi phí vận hành lâu dài.

Bảo vệ môi trường: Giảm thiểu tác động tiêu cực đến hệ sinh thái và khí hậu.

Công bằng xã hội: Đảm bảo lợi ích cho cộng đồng địa phương và du khách.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

### 2.1. Thiết kế nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp hỗn hợp (mixed methods) kết hợp giữa nghiên cứu định lượng và định tính để có cái nhìn toàn diện về vai trò của tài chính xanh trong phát triển du lịch bền vững (Creswell & Plano Clark, 2018). Thiết kế nghiên cứu tuần tự giải thích (explanatory sequential design) được sử dụng, trong đó dữ liệu định lượng được thu

thập và phân tích trước, sau đó dữ liệu định tính được thu thập để giải thích sâu hơn các kết quả định lượng (Ivankova & Creswell, 2009).

## 2.2. Thu thập dữ liệu định lượng

Khảo sát định lượng được thực hiện với 350 doanh nghiệp du lịch tại Việt Nam từ tháng 3 đến tháng 6 năm 2025. Mẫu được chọn theo phương pháp phân tầng (stratified sampling) dựa trên quy mô doanh nghiệp và khu vực địa lý, đảm bảo tính đại diện cho toàn ngành (Fowler, 2014). Bảng câu hỏi được thiết kế dựa trên thang đo Likert 5 điểm, bao gồm các nội dung về nhận thức, nhu cầu, rào cản và kinh nghiệm tiếp cận tài chính xanh.

Tỷ lệ phản hồi đạt 72%, với 252 bảng câu hỏi hợp lệ được sử dụng cho phân tích. Độ tin cậy của thang đo được kiểm tra thông qua hệ số Cronbach's Alpha, với tất cả các thang đo đều đạt giá trị trên 0.7, đảm bảo độ tin cậy cho phân tích (Hair và cộng sự, 2019).

## 2.3. Thu thập dữ liệu định tính

Phỏng vấn sâu được thực hiện với 25 chuyên gia, bao gồm đại diện từ các tổ chức tài chính, doanh nghiệp du lịch, cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức phi chính phủ. Việc lựa chọn người tham gia phỏng vấn dựa trên phương pháp chọn mẫu có mục đích (purposive sampling), đảm bảo đa dạng quan điểm và kinh nghiệm (Patton, 2015).

Các cuộc phỏng vấn kéo dài từ 45 đến 90 phút, được ghi nhận trực tiếp đầy đủ bởi tác giả. Hướng dẫn phỏng vấn bán cấu trúc được sử dụng, cho phép linh hoạt trong việc khám phá các chủ đề mới nổi trong quá trình phỏng vấn (Kvale & Brinkmann, 2015).

## 2.4. Phân tích dữ liệu

Dữ liệu định lượng được phân tích bằng phần mềm SPSS 26.0, sử dụng các phương pháp thống kê mô tả, phân tích tương quan và hồi quy đa biến để xác định mối quan hệ giữa các biến (Field, 2018). Mô hình phương trình cấu trúc (SEM) được áp dụng để kiểm định mô hình lý thuyết về mối quan hệ giữa tài chính xanh và phát triển du lịch bền vững.

Dữ liệu định tính được phân tích theo phương pháp phân tích nội dung chủ đề (thematic content analysis) của Braun và Clarke (2006). Quá trình mã hóa được thực hiện qua ba giai đoạn: mã hóa mở, mã hóa trục và mã hóa chọn lọc, đảm bảo tính hệ thống và độ tin cậy của kết quả phân tích.

## 2.5. Đảm bảo chất lượng nghiên cứu

Để đảm bảo tính tin cậy và giá trị của nghiên cứu, nhiều biện pháp đã được áp dụng. Đối với nghiên cứu định lượng, việc thử nghiệm bảng câu hỏi với 30 doanh nghiệp đã được thực hiện trước khi khảo sát

chính thức. Đối với nghiên cứu định tính, nguyên tắc triangulation được áp dụng thông qua việc so sánh dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau (Denzin, 2017).

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Nhận thức và nhu cầu về tài chính xanh trong du lịch

Kết quả khảo sát cho thấy mức độ nhận thức về tài chính xanh trong các doanh nghiệp du lịch còn hạn chế. Chỉ 42% doanh nghiệp được khảo sát có hiểu biết rõ ràng về khái niệm và các sản phẩm tài chính xanh. Tuy nhiên, khi được giải thích về lợi ích của tài chính xanh, 78% doanh nghiệp bày tỏ sự quan tâm và mong muốn tiếp cận nguồn vốn này.

Phân tích sâu hơn cho thấy sự khác biệt đáng kể giữa các nhóm doanh nghiệp. Các doanh nghiệp lớn với doanh thu trên 50 tỷ đồng/năm có mức độ nhận thức cao hơn (68%) so với doanh nghiệp vừa và nhỏ (35%). Điều này phù hợp với phát hiện của Chen và cộng sự (2021) rằng quy mô doanh nghiệp có tương quan thuận với khả năng tiếp cận và sử dụng các công cụ tài chính phức tạp.

Về nhu cầu vốn cho phát triển bền vững, 65% doanh nghiệp cho biết họ có kế hoạch đầu tư vào các giải pháp xanh trong 3 năm tới, với tổng nhu cầu vốn ước tính khoảng 2.5 tỷ USD. Các lĩnh vực ưu tiên đầu tư bao gồm năng lượng tái tạo (45%), xử lý chất thải và nước thải (32%), và nâng cấp cơ sở hạ tầng xanh (23%).

### 3.2. Rào cản trong tiếp cận tài chính xanh

Nghiên cứu đã xác định được năm nhóm rào cản chính cản trở doanh nghiệp du lịch tiếp cận tài chính xanh. Rào cản về thể chế và chính sách được 72% doanh nghiệp đánh giá là nghiêm trọng nhất. Cụ thể, việc thiếu khung pháp lý rõ ràng về tiêu chí xanh trong du lịch, quy trình phê duyệt phức tạp và thiếu cơ chế ưu đãi cụ thể là những vấn đề được nhiều doanh nghiệp phản ánh.

Rào cản về năng lực kỹ thuật đứng thứ hai với 68% doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc chuẩn bị hồ sơ dự án xanh đáp ứng yêu cầu của các tổ chức tài chính. Một giám đốc doanh nghiệp lữ hành chia sẻ: "Chúng tôi hiểu tầm quan trọng của phát triển bền vững, nhưng việc chứng minh tác động môi trường tích cực của dự án theo tiêu chuẩn quốc tế là một thách thức lớn với nguồn lực hạn chế của chúng tôi."

Chi phí giao dịch cao cũng là một rào cản đáng kể, với chi phí tư vấn, đánh giá và chứng nhận có thể chiếm tới 5-7% tổng giá trị dự án. Điều này đặc biệt nặng nề với các doanh nghiệp vừa và nhỏ, vốn chiếm tới 85% tổng số doanh nghiệp du lịch tại Việt Nam.

### **3.3. Mô hình tích hợp tài chính xanh và du lịch bền vững**

Dựa trên phân tích SEM, nghiên cứu đã xây dựng và kiểm định mô hình về mối quan hệ giữa tài chính xanh và phát triển du lịch bền vững. Kết quả cho thấy tài chính xanh có tác động tích cực đáng kể đến cả ba khía cạnh của du lịch bền vững: kinh tế ( $\beta = 0.52, p < 0.001$ ), môi trường ( $\beta = 0.68, p < 0.001$ ) và xã hội ( $\beta = 0.45, p < 0.001$ ).

Phân tích vai trò trung gian cho thấy đổi mới công nghệ đóng vai trò quan trọng trong mối quan hệ này. Tài chính xanh tạo điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư vào công nghệ sạch, từ đó cải thiện hiệu quả môi trường và kinh tế. Mô hình cũng chỉ ra rằng sự hỗ trợ của chính phủ có tác động điều tiết tích cực, làm tăng cường mối quan hệ giữa tài chính xanh và kết quả bền vững.

### **3.4. Các yếu tố thành công**

Thông qua phân tích các trường hợp thành công, nghiên cứu đã xác định được bốn yếu tố then chốt cho việc tích hợp hiệu quả tài chính xanh vào du lịch bền vững, bao gồm:

Thứ nhất là cam kết của lãnh đạo doanh nghiệp với tầm nhìn dài hạn về phát triển bền vững. Các doanh nghiệp thành công đều có chiến lược rõ ràng và sẵn sàng đầu tư nguồn lực cho chuyển đổi xanh.

Thứ hai là năng lực kỹ thuật và quản lý dự án xanh. Các doanh nghiệp thành công thường có đội ngũ chuyên trách hoặc hợp tác với các tổ chức tư vấn chuyên nghiệp để phát triển và triển khai dự án. Việc xây dựng năng lực nội bộ được xem là đầu tư quan trọng cho sự phát triển bền vững lâu dài.

Thứ ba là mạng lưới hợp tác và chia sẻ kiến thức. Các doanh nghiệp tham gia vào các hiệp hội, mạng lưới du lịch bền vững có khả năng tiếp cận tài chính xanh cao hơn 2.3 lần so với các doanh nghiệp hoạt động độc lập. Việc chia sẻ kinh nghiệm và học hỏi lẫn nhau giúp giảm chi phí học tập và tăng cơ hội thành công.

Cuối cùng là việc xây dựng mối quan hệ tin cậy với các tổ chức tài chính. Các doanh nghiệp có lịch sử tín dụng tốt và minh bạch trong báo cáo tác động môi trường - xã hội có khả năng tiếp cận nguồn vốn xanh với điều kiện ưu đãi hơn.

## **4. Thảo luận**

### **4.1. So sánh với nghiên cứu quốc tế**

Kết quả nghiên cứu này có nhiều điểm tương đồng với các nghiên cứu quốc tế về vai trò của tài chính

xanh trong phát triển bền vững. Tương tự như phát hiện của Taghizadeh-Hesary và Yoshino (2019) tại các nước châu Á, rào cản về thể chế và năng lực được xác định là thách thức chính. Tuy nhiên, mức độ nhận thức về tài chính xanh trong du lịch Việt Nam (42%) thấp hơn đáng kể so với các nước phát triển như Đức (78%) hay Nhật Bản (71%) theo khảo sát của OECD (2022).

Điểm khác biệt quan trọng là vai trò của mạng lưới xã hội và quan hệ cá nhân trong bối cảnh Việt Nam. Trong khi các nghiên cứu tại phương Tây nhấn mạnh vai trò của thể chế chính thức (North, 1990), nghiên cứu này cho thấy tầm quan trọng của các mối quan hệ không chính thức trong việc tạo điều kiện tiếp cận tài chính xanh, phản ánh đặc điểm văn hóa kinh doanh tại Việt Nam.

### **4.2. Ý nghĩa về mặt lý thuyết của nghiên cứu**

Kết quả nghiên cứu này đóng góp vào cơ sở lý thuyết về mối quan hệ giữa tài chính và phát triển bền vững trong bối cảnh cụ thể của ngành du lịch. Trong khi các nghiên cứu trước đây chủ yếu tập trung vào vai trò của tài chính xanh trong các ngành công nghiệp nặng hoặc năng lượng (Wang & Zhi, 2016; Zhang và cộng sự, 2019), nghiên cứu này mở rộng hiểu biết về ứng dụng trong ngành dịch vụ, đặc biệt là du lịch.

Mô hình được đề xuất trong nghiên cứu bổ sung vào lý thuyết về phát triển bền vững bằng cách làm rõ cơ chế tác động của tài chính xanh thông qua đổi mới công nghệ và vai trò điều tiết của chính sách công. Điều này phù hợp với lý thuyết về đổi mới hệ thống (system innovation) của Geels (2004), nhấn mạnh tầm quan trọng của sự tương tác giữa các yếu tố công nghệ, thể chế và thị trường trong quá trình chuyển đổi bền vững.

### **4.3. Ý nghĩa thực tiễn của nghiên cứu**

Về mặt thực tiễn, nghiên cứu cung cấp những gợi ý quan trọng cho các bên liên quan. Đối với doanh nghiệp du lịch, kết quả nghiên cứu nhấn mạnh tầm quan trọng của việc xây dựng năng lực nội bộ và tham gia vào các mạng lưới hợp tác để tăng khả năng tiếp cận tài chính xanh. Việc đầu tư vào đào tạo nhân lực và xây dựng hệ thống quản lý môi trường không chỉ giúp đáp ứng yêu cầu của nhà tài trợ mà còn nâng cao hiệu quả hoạt động tổng thể.

Đối với các tổ chức tài chính, nghiên cứu chỉ ra nhu cầu lớn về tài chính xanh trong du lịch, đồng thời xác định các rào cản cần được giải quyết. Việc phát triển các sản phẩm tài chính phù hợp với đặc thù của doanh nghiệp du lịch, đặc biệt là doanh nghiệp vừa

và nhỏ, có thể mở ra cơ hội kinh doanh mới trong bối cảnh chuyển đổi xanh toàn cầu.

#### 4.4. Hàm ý chính sách

Kết quả nghiên cứu đưa ra nhiều hàm ý quan trọng cho hoạch định chính sách nhằm phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam như sau:

Thứ nhất, cần có khung pháp lý rõ ràng và thống nhất về tiêu chí xanh trong du lịch. Việc thiếu tiêu chuẩn thống nhất hiện nay tạo ra sự nhầm lẫn cho cả doanh nghiệp và tổ chức tài chính, làm tăng chi phí giao dịch và rủi ro.

Thứ hai, chính sách ưu đãi cần được thiết kế phù hợp với từng giai đoạn phát triển của doanh nghiệp. Trong giai đoạn đầu, hỗ trợ kỹ thuật và tài chính cho việc chuẩn bị dự án có thể quan trọng hơn lãi suất ưu đãi. Khi doanh nghiệp đã có kinh nghiệm, các công cụ tài chính phức tạp hơn như trái phiếu xanh hay quỹ đầu tư xanh có thể được áp dụng.

Thứ ba, vai trò của chính phủ như một bên tạo điều kiện (facilitator) cần được nhấn mạnh. Thay vì can thiệp trực tiếp vào thị trường, chính phủ nên tập trung vào việc tạo môi trường thuận lợi, kết nối các bên liên quan và cung cấp thông tin minh bạch về cơ hội và rủi ro.

### 5. Kết luận và khuyến nghị

#### 5.1. Kết luận chính

Nghiên cứu này đã phân tích toàn diện vai trò của tài chính xanh trong phát triển du lịch bền vững tại Việt Nam. Kết quả cho thấy tài chính xanh có tiềm năng lớn trong việc thúc đẩy chuyển đổi xanh của ngành du lịch, với 78% doanh nghiệp bày tỏ nhu cầu tiếp cận nguồn vốn này. Tuy nhiên, mức độ nhận thức còn hạn chế và nhiều rào cản về thể chế, năng lực và chi phí đang cản trở sự phát triển.

Mô hình nghiên cứu đã xác nhận mối quan hệ tích cực giữa tài chính xanh và ba khía cạnh của du lịch bền vững: kinh tế, môi trường và xã hội. Đổi mới công nghệ đóng vai trò trung gian quan trọng, trong khi sự hỗ trợ của chính phủ có tác động điều tiết tích cực đến mối quan hệ này.

#### 5.2. Khuyến nghị

Dựa trên kết quả nghiên cứu, một số khuyến nghị được đưa ra cho các bên liên quan. Đối với chính phủ, cần xây dựng khung pháp lý toàn diện về tài chính xanh trong du lịch, bao gồm định nghĩa rõ ràng về tiêu chí xanh, quy trình phê duyệt đơn giản hóa và cơ chế giám sát hiệu quả. Việc thành lập quỹ hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp vừa và nhỏ trong việc chuẩn bị dự

án xanh cũng được khuyến nghị.

Các tổ chức tài chính nên phát triển sản phẩm tài chính xanh phù hợp với đặc thù ngành du lịch, như cho vay theo mùa vụ, tài trợ dựa trên dòng tiền từ hoạt động du lịch bền vững. Việc đào tạo cán bộ tín dụng về đánh giá dự án du lịch xanh và xây dựng mạng lưới chuyên gia tư vấn cũng cần được ưu tiên.

Doanh nghiệp du lịch cần chủ động xây dựng năng lực về phát triển bền vững, bao gồm đào tạo nhân lực, xây dựng hệ thống quản lý môi trường và thiết lập quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính. Việc tham gia vào các mạng lưới du lịch bền vững và chia sẻ kinh nghiệm cũng giúp tăng cơ hội tiếp cận tài chính xanh.

#### 5.3. Hạn chế và hướng nghiên cứu tiếp theo

Nghiên cứu này có một số hạn chế cần được ghi nhận. Thứ nhất, mẫu nghiên cứu tập trung chủ yếu vào các doanh nghiệp đã đăng ký chính thức, có thể bỏ qua một bộ phận đáng kể các doanh nghiệp du lịch quy mô nhỏ hoạt động không chính thức. Thứ hai, nghiên cứu chỉ thực hiện tại một thời điểm, không phản ánh được sự thay đổi theo thời gian của mối quan hệ giữa tài chính xanh và phát triển bền vững.

Các hướng nghiên cứu tiếp theo có thể bao gồm nghiên cứu dọc để theo dõi tác động dài hạn của tài chính xanh, so sánh quốc tế để xác định các yếu tố đặc thù theo bối cảnh, và nghiên cứu sâu về hiệu quả của các công cụ tài chính xanh cụ thể trong du lịch. Việc phát triển các chỉ số đo lường tác động của tài chính xanh đối với du lịch bền vững cũng là một hướng nghiên cứu quan trọng.

*Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Nguyễn Tất Thành.*

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Bramwell, B., & Lane, B. (2011). Critical research on the governance of tourism and sustainability. *Journal of Sustainable Tourism*, 19(4-5), 411-421.
- Chính phủ Việt Nam. (2022). Quyết định số 882/QĐ-TTg về Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030. Văn phòng Chính phủ.
- Climate Bonds Initiative. (2023). Global green bond market report 2022. <https://www.climatebonds.net/resources/reports>
- Falcone, P. M. (2020). Environmental regulation and green investments: The role of green finance. *International Journal of Green Economics*, 14(2), 159-173.
- IPCC. (2023). Climate change 2023: Synthesis report. Intergovernmental Panel on Climate Change.